

KIẾN TRÚC GẠCH Ở CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI ĐÔNG NAM Á

NGÔ VĂN DOANH*

Mười thế kỷ của thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên là cả một thời kỳ chuyển tiếp và định hình văn hoá quan trọng đối với khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở những truyền thống của mình, tiếp thu những ảnh hưởng của Ấn Độ, các nền văn hoá của các quốc gia cổ đại hình thành và phát triển. Tuy ra đời có trước có sau hoặc tồn tại có ngắn, có dài khác nhau, nhưng các quốc gia cổ đại đã để lại cho những nền văn hoá của các quốc gia thời trung đại sau đó và cho hôm nay nhiều di sản vật thể và phi vật thể quan trọng. Và, một trong những di sản đó là cả một truyền thống xây dựng các công trình kiến trúc bằng gạch. Không ít những công trình kiến trúc gạch thời cổ này đã trở thành những kiệt tác kiến trúc của một số quốc gia Đông Nam Á hôm nay; thậm chí có quần thể kiến trúc gạch cổ (Mỹ Sơn ở Việt Nam) còn được UNESCO đưa vào danh sách các di sản văn hoá thế giới. Dưới đây là một bức tranh khái quát về kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng các kiến trúc gạch ở các quốc gia cổ đại của khu

vực Đông Nam Á trong 10 thế kỷ đầu sau công nguyên.

I. BỨC TRANH CHUNG

Trong khoảng thời gian dài gần một thiên niên kỷ rưỡi, ít nhất là từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 13 sau công nguyên, Ấn Độ là cội nguồn cảm hứng tôn giáo (Bàlamôn giáo và Phật giáo) duy nhất đối với gần như cả khu vực Đông Nam Á. Cũng từ Ấn Độ, các dạng thức kiến trúc của các công trình tôn giáo và những kỹ thuật xây dựng những công trình kiến trúc tôn giáo này cũng được du nhập vào Đông Nam Á. Thế nhưng, hiện nay, chỉ những phế tích hay những công trình ít nhiều đã đổ nát là những bằng chứng làm nổi bật những nền kiến trúc tôn giáo cùng những kỹ thuật xây dựng chịu ảnh hưởng Ấn Độ ở các quốc gia, các đế chế cổ của khu vực Đông Nam Á.

Một số những di tích cổ nhất hiện được biết cung cấp cho chúng ta những cứ liệu đầu tiên về kỹ thuật xây dựng gạch của các đền tháp tôn giáo gốc Ấn Độ ở Đông Nam Á là những ngôi đền đổ nát đã được

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

xây dựng bằng những vật liệu bền khác nhau. Những công trình cổ xưa nhất ở Đông Nam Á đó chính là các ngôi đền (prasat) được xây dựng bằng hỗn hợp cả gạch và đá của vương quốc Phù Nam và vương quốc Chân Lạp- những công trình kiến trúc “Ấn Độ hoá” sớm nhất ở Đông Nam Á lục địa. Các dấu tích ít ỏi còn lại cũng như những di tích đã được khai quật của nền kiến trúc Phù Nam cho thấy các công trình kiến trúc này chủ yếu được xây dựng bằng gạch, còn đá (với tỷ lệ rất ít) chỉ được dùng để thay vào những chỗ của những kết cấu vốn được làm bằng gỗ, như các bản lề cửa, các mộng và được làm rất chuẩn xác. Rõ ràng là, đã có cả một quá trình phát triển của kỹ thuật xây dựng các công trình tôn giáo bằng gạch của Phù Nam. Thế nhưng, vì sự thiếu vắng những di tích cụ thể, nên cho đến nay, chúng ta hầu như không có cách gì để tìm hiểu được kỹ thuật xây dựng gạch của vương quốc cổ Phù Nam. Vì vậy, chỉ đến các kiến trúc tôn giáo của Chân Lạp, chúng ta mới ít nhiều biết được về kỹ thuật xây gạch cổ của Đông Nam Á lục địa. Điều đặc biệt là, những ngôi đền Khmer bằng gạch hiện còn cũng có niên đại cổ xưa như những ngôi đền Khmer bằng đá.

Những công trình kiến trúc tôn giáo Khmer cổ nhất là những ngôi đền được phát hiện ở Sambor Prei Kuk. Và, có thể nói, các công trình ở Sambor Prei Kuk cũng là một quần thể kiến trúc hiện còn có niên đại xưa nhất ở Đông Dương. Dù rằng các kiến trúc này được xây dựng hoàn toàn bằng gạch, nhưng các nhà nghiên cứu cũng không tìm ra được những đặc điểm xây dựng gạch của Chân Lạp thông qua các di tích này vì kỹ thuật xây gạch rất phức tạp và rất khó thấy sự đổi mới trong sự phát triển. Khó có thể khẳng

định và chứng minh được trong kiến trúc gạch Chân Lạp công trình cổ nhất lại là công trình xây dựng có kỹ thuật kém hơn các công trình được xây dựng về sau. Do vậy các nhà nghiên cứu thường chỉ tìm hiểu kỹ thuật xây dựng gạch cụ thể ở từng di tích hay từng khu di tích.

Theo các nhà nghiên cứu, tại Sambor Prei Kuk, giữa các viên gạch không có khe hở. Mỗi mặt của viên gạch đều làm trơn nhẵn rồi thử đi thử lại sao cho khớp với viên gạch kia rồi mới đặt chúng vào đúng vị trí. Còn tác nhân gắn kết hay vữa, thì cho đến nay được biết, chính là vữa đất, kiểu vữa mà ở Ấn Độ thường dùng trong suốt thời trị vì của vua Asoka. Và, chuẩn mực xây gạch này còn tiếp tục được duy trì lâu trong các công trình kiến trúc tôn giáo bằng gạch của người Khmer. Chỉ đến khi thủ đô của người Khmer chuyển đến Angkor Thom, khi phong cách Banteay Srei thắng thế, thì kiến trúc đá mới trở thành phổ biến trong kiến trúc tôn giáo Chân Lạp. Dù là bằng đá hay bằng gạch, đối với kiến trúc tôn giáo cổ của người Khmer, hình dáng kiến trúc luôn đứng tách ra khỏi kỹ thuật xây dựng. Các thợ nề xây gạch Khmer phải cắt gọt những viên gạch của mình cho phù hợp và khớp với những đòi hỏi bắt buộc của cấu trúc của công trình tôn giáo.

Dù nằm ngay liền kề vương quốc Chân Lạp của người Khmer, người Chăm-pa, trong suốt quá trình lịch sử tồn tại của vương quốc, lại chỉ dùng gạch để xây dựng những công trình kiến trúc tôn giáo của mình. Dù rằng đá cũng rất có sẵn trong những khu núi rừng nằm giữa Chăm-pa và Chân Lạp, nhưng đá lại hầu như không được người Chăm-pa sử dụng trong xây dựng các công trình tôn giáo. Do vậy,

người Champa là những người thợ bậc thầy về xây gạch ở Đông Nam Á. Như đánh giá của các chuyên gia, người Champa rất thuộc và rất hiểu nguyên liệu mà họ sử dụng để xây dựng đền tháp và đã rất biết hướng cấu trúc của công trình vào chất liệu của vật liệu. Ngược lại, cũng theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, người Khmer lại hướng tới tạo dáng hình thù hơn là các nguyên tắc xây dựng kiến trúc.

Tại vùng quần đảo của Đông Nam Á, những công trình kiến trúc tôn giáo cổ nhất được biết là những công trình kiến trúc tôn giáo ở cao nguyên Diêng trên đảo Java (ở miền trung hòn đảo). Các kiến trúc trên cao nguyên Diêng được xây dựng hoàn toàn bằng đá, nhưng, như các nhà nghiên cứu nhận thấy, các phương pháp được sử dụng trong xây dựng lại là những phương pháp của những người thợ nề xây gạch có tay nghề cao. Sau thời kỳ của cao nguyên Diêng, các công trình kiến trúc tôn giáo của vùng quần đảo Đông Nam Á được làm bằng gạch khá nhiều. Nhiều kiến trúc gạch được biết ở Sumatra, Đông Java và Bali trong khoảng thời gian từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 14 đã cho thấy chất lượng và kỹ thuật xây gạch của các công trình này đã đạt đến trình độ cao không kém của người Khmer và người Champa. Thế nhưng, như các chuyên gia đã chỉ ra, dưới góc độ kỹ thuật kiến trúc gạch, thì người Indônêxia lại là những người thợ thủ công thuần túy theo cách như người Khmer. Bởi vậy mà, trong suốt cả bốn thế kỷ của nền kiến trúc tiền Islam, không có một sự hiện diện nào cho thấy bất kỳ một sự phát triển nào trong kỹ thuật xây dựng gạch ở vùng quần đảo thuộc Đông Nam Á hải đảo.

Những cuộc khai quật ở Kedah trên

bán đảo Malay đã khám phá ra những nền móng của một số cấu trúc gạch và cấu trúc đá ong. Các cấu trúc đá ong, tuy hoàn toàn bằng đá, vẫn để lộ ra dấu ấn kỹ thuật tương tự như kỹ thuật xây gạch. Một số nhà nghiên cứu đã cho thấy sự tương đồng của kỹ thuật xây dựng giữa Sumatra với một số dạng kiến trúc tôn giáo (vimana) ở miền Nam Ấn Độ.

Một nơi nữa hiện còn lưu giữ được nhiều công trình kiến trúc tôn giáo gạch cổ kính là Mianma. Không còn nghi ngờ gì, như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, những công trình kiến trúc tôn giáo (Phật giáo) bằng gạch ở Prome (Sri Kshetra) và Pagan là những mẫu hình tiêu biểu về kỹ thuật xây gạch tiên tiến bậc nhất trong khu vực Đông Nam Á. Những công trình tôn giáo này của Mianma có thể đem so sánh được với bất kỳ công trình tôn giáo bằng gạch khác trong khu vực Đông Nam Á về mặt nghệ thuật xây gạch. Thế nhưng, ngoài những kỹ thuật xây gạch chung mà các nước Đông Nam Á khác có sử dụng, thì người Piu ở Prome và người Miến ở Pagan còn biết và rất giỏi về một số kỹ thuật xây gạch mà ở các nơi khác của Đông Nam Á không có. Đó là kỹ thuật xây vòm hình tròn và kỹ thuật xây hành lang vòm. Hai kỹ thuật xây gạch tiên tiến này đã được người Miến sử dụng trong việc xây dựng nhiều công trình kiến trúc tôn giáo lớn nhỏ. Một điều dễ thấy nữa là, người Miến thời Pagan (thế kỷ XI-XIII) chỉ sử dụng gạch trong xây dựng ở khắp mọi nơi, chứ không xây dựng bất kỳ một công trình tôn giáo nào bằng những vật liệu khác nhau như gạch với đá ong giống như người Môn của Thaton ở vùng hạ Miến (Mianma) và người Môn của Dvaravati ở Thái Lan thường làm. Đá là chất liệu rất

hãn hữu được sử dụng trong xây dựng của người Miến, chỉ trừ những trường hợp không thể không dùng. Và, nếu được dùng, thì đá phải được cắt ra theo kích cỡ của gạch và dùng đá như dùng gạch.

Một nền văn hoá cổ nữa ở Đông Nam Á, mà ở đó, các công trình kiến trúc cũng được xây dựng lên chủ yếu bằng chất liệu gạch là nền văn hoá Dvaravati của người Môn ở miền Trung Thái Lan, trong vùng hạ lưu sông Mênam. Đối với người Môn Dvaravati, bên cạnh vật liệu chủ yếu là gạch, đá ong cũng được dùng trong xây dựng các công trình tôn giáo. Người Môn Dvaravati đã dùng vỏ trấu của hạt lúa trộn với đất để làm gạch. Và, để xây dựng những công trình tôn giáo bằng gạch, người Môn Dvaravati đã dùng vữa đất làm chất kết dính, chứ không dùng một chất kết dính nào khác.

Tóm lại, theo các nhà nghiên cứu, có thể nhận thấy, các trường phái xây dựng gạch ở khu vực Đông Nam Á (cả vùng lục địa và vùng hải đảo) đều nhấn mạnh vào sự khéo léo mang tính thủ công hơn là vào kỹ thuật kiến trúc- xây dựng những công trình bằng gạch. Duy chỉ có người Chăm-pa cổ mới là những bậc thầy của cả tay nghề thủ công và kỹ thuật xây dựng gạch.

II. NHỮNG NỀN NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC- XÂY DỰNG GẠCH TIÊU BIỂU

1. Kiến trúc gạch của người Piu Mianma

Trước khi người Miến đến, Tại Mianma đã từng tồn tại một số vương quốc cổ đại của người Piu và người Môn. Những chủ nhân thời cổ này của Mianma đã để lại cho đất nước Mianma ngày nay không ít những công trình kiến trúc bằng gạch nổi tiếng. Một trong những đô thị lớn của

người Piu để lại là đô thành Srikshetra (tiếng Miến là Thayekhittaya) nằm trên bờ trái của sông Irawadi, cách Rangoon 180 dặm về phía tây- bắc. Người sáng lập ra thành phố này, theo truyền thuyết, là Duttabaung, người trị vì đất nước của người Piu vào thời gian rất xa xưa, cách ngày nay chừng hai ngàn năm. Sử liệu Trung Quốc đã ghi chép về đô thành Srikshetra như sau: ‘...Tường thành dài 160 lý, được xây bằng gạch men xanh có 12 cổng ra vào. Chùa tháp được dựng lên ở bốn góc thành. Dân cư ở đây theo Phật giáo và có hàng trăm ngôi chùa cũng được xây bằng gạch men và được trang trí bằng vàng, bạc...’⁽¹⁾

Phần lớn những phế tích và di tích cổ đều nằm ở khu vực phía nam toà thành và ở bên ngoài tường thành. Trong số những công trình kiến trúc quan trọng còn lại của Srikshetra, đáng kể nhất là ba ngôi tháp Phật giáo cao và có niên đại cổ nhất ở Mianma (thế kỷ V-VI) là tháp Bawbawgyi, tháp Payagyi và tháp Payama được xây quanh các bức tường thành. Cả ba ngôi tháp đều có kết cấu đơn giản: trên nền tròn có nhiều bậc giạt cấp nhô lên khối thân lớn hình quả chuông cao lớn đang đội cái đỉnh hình lọng ô. Tháp Bawbawgyi cao tới gần 40m (153 feet) có thân hình trụ cao lớn đứng trên nền thấp hình tròn năm bậc (hai bậc dưới cùng đã bị chìm vào trong đất). Tháp có đỉnh hình nón và hiện nay đỉnh tháp mang một chiếc lọng ô (hti) của thời sau. Kiểu dáng của Bawbawgyi rõ ràng là có nguồn gốc trực tiếp từ các ngôi tháp hình bán cầu ở Sanchi và Amaravati của Ấn Độ. Tháp Bawbawgyi không phải là đặc hoàn toàn như cái dáng bên ngoài cho thấy, mà hai phần ba lòng tháp bên dưới là rỗng và có một cửa mở vào trong lòng tháp.

Ngoài các kiến trúc tháp Phật giáo, tại Srikshetra, còn lưu lại một số kiến trúc dạng chùa của Phật giáo- những kiến trúc có nội thất bên trong. Tiêu biểu cho dạng kiến trúc này là chùa Bebe và chùa Lemyethna. Chùa Lemyethna được xây vào khoảng thế kỷ IX là một kiến trúc gạch có bình đồ vuông và có hai trục đối xứng. Trung tâm nội thất của chùa là một chiếc cột lớn, vững chắc. Bao quanh cột là lối hồi lang vòm cuốn. Bốn cửa ra vào ở bốn mặt mở ra bốn hướng và hướng vào bốn hình điêu khắc Phật giáo được gắn ở bốn mặt cột. Ngôi chùa nhỏ Bebe lại có một cấu trúc và thuộc một kiểu dáng khác hẳn. Chùa chỉ có một trục, một cửa ra vào và một gian mái vòm cuốn ở trung tâm. Khối vuông của chùa Bebe có mái là một khối tháp hình trụ như các ngôi tháp Phật giáo khác của người Piu.

Tại một khu đô thị cổ khác có tên là Beikthano của người Piu cũng phát hiện được khá nhiều công trình kiến trúc gạch lớn và có niên đại rất cổ (nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên). Một trong những phế tích đó là một toà nhà có bình đồ hình chữ nhật với một tiền sảnh nhỏ ở phía trước mặt tiền. Cấu trúc của nội thất toà nhà gồm một hành lang dài phía trước và tám phòng nhỏ (3 x 3 m). Các dấu tích còn lại cho thấy, mái của toà nhà bằng gỗ, tre, tường được trát vữa, cửa vào các phòng có cánh cửa gỗ. Theo các nhà nghiên cứu, có thể kiến trúc nhà dài này ở Beikthano là một tu viện Phật giáo.

Những công trình kiến trúc và những phế tích cổ (chủ yếu là các công trình tôn giáo) được phát hiện ở Mianma cho thấy những cư dân cổ ở đây (người Piu) đã là những người rất am hiểu và có trình độ kỹ thuật và nghệ thuật xây gạch rất cao. Để

làm ra loại gạch có chất lượng tốt, họ đã biết dùng đất trộn với vỏ trấu. Tuy chỉ dùng vữa đất để xây, nhưng, các công trình kiến trúc cổ của người Piu ở Mianma vẫn có độ bền cao là vì những người thợ xây dựng ở đây đã biết đến một kỹ thuật xây dựng rất tiên tiến thời cổ: kỹ thuật xây vòm cuốn, một kỹ thuật độc nhất vô nhị ở Đông Nam Á thời cổ⁽²⁾.

Từ thế kỷ thứ X, đặc biệt là từ sau khi vua Miến là Anoratha tiến quân chiếm đóng Thaton vào giữa thế kỷ XI, ảnh hưởng của nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng gạch của người Piu và người Môn đã được người Miến tiếp thu rất nhiều để xây dựng đô thành Pagan của mình.

2. Kiến trúc gạch của người Môn Dvaravati

Cùng với sự hình thành vương quốc Dvaravati cổ đại của người Môn ở miền trung Thái Lan, một phong cách nghệ thuật lớn ở khu vực Đông Nam Á ra đời- phong cách Dvaravati (thế kỷ VI- XI). Hầu hết những tác phẩm điêu khắc và kiến trúc của Dvaravati, cũng như của Piu, đều mang nội dung Phật giáo. Và, cũng như người Piu và người Môn ở Mianma, người Môn Dvaravati xây dựng những công trình kiến trúc của mình chủ yếu bằng chất liệu gạch. Rất tiếc là phần lớn những công trình kiến trúc của Dvaravati đã bị đổ nát hay đã được người Thái sau này phục dựng lại theo mô hình của người Thái. Thế nhưng, qua các phế tích ở Pra Men và Chulapathon, các nhà nghiên cứu đã dựng lên được mô hình xưa của các công trình này. Theo các nhà nghiên cứu, Pra Men có cấu trúc nền móng và quy mô đồ sộ không khác gì ngôi đền Ananda kỳ vĩ ở Pagan mà người Miến đã xây dựng vào cuối thế kỷ XI

theo phong cách của người Môn. Ananda cao 52 mét, mỗi chiều rộng 88 mét, là kiến trúc có cấu trúc hai trục với cột trụ khổng lồ làm trục trung tâm như công trình Lemyethna của người Piu. Thế nhưng, Ananda trầm lắm đẹp hơn vì các thành phần kiến trúc, đặc biệt là đỉnh mái hình tháp Shikhara, còn nguyên vẹn và thật sự hoàn hảo. Còn ngôi tháp Chulapathon thì lại là ngôi tháp vuông năm tầng, cao 51 mét. Có thể nhận thấy Chulapathon là tiền thân của ngôi tháp Kukut sau này của người Môn ở Bắc Thái Lan.

Trong số các kiến trúc Môn còn lại tại Thái Lan, tháp Kukut ở Lampun còn lại nguyên vẹn hơn cả. Xưa kia, tháp có tên là Mahabala do ông vua Môn ở Lampun là Adicaraja (1120-1150) xây dựng. Năm 1218, tháp được vua Saphadisiphi tu sửa lại vì tháp bị động đất làm hư hại nhiều. Tháp Kukut có bình đồ vuông (cạnh dài 24 m.) gồm một nền hai bậc bằng đá ong và trên đó là khối kiến trúc năm tầng bằng gạch cao 28 mét. Chóp tháp có thể có hình chóp nhọn, nhưng đã mất. Trên mặt của năm tầng tháp đều có những khám lớn chứa tượng Phật đứng (mỗi mặt của mỗi tầng có ba khám). Toàn bộ tháp Kukut được xây bằng gạch (trừ phần nền bằng đá ong) và được trát vôi vữa lên mặt tường.

Sang thế kỷ XI, với cuộc tấn công của vua Khmer Suryavarman I vào thủ đô Nakhon Pathom, nhà nước Dvaravati chấm dứt sự tồn tại gần năm thế kỷ của mình. Thế nhưng, truyền thống nghệ thuật và kiến trúc của người Môn đã góp phần không nhỏ vào quá trình hình thành nền nghệ thuật và kiến trúc của người Thái sau này⁽³⁾.

3. Kiến trúc gạch của Phù Nam

Như ở các quốc gia cổ đại khác trong khu vực Đông Nam Á, trên vùng đất cũ nước Phù Nam xưa, những dấu tích kiến trúc còn lại của Phù Nam chủ yếu là các công trình kiến trúc tôn giáo. Từ những dấu tích còn lại, có thể thấy phần lớn các công trình kiến trúc tôn giáo của Phù Nam chủ yếu được làm bằng gỗ trên nền bằng gạch hoặc bằng gỗ kết hợp với những phiến đá mỏng được dùng để làm khung cửa ra vào và khung cửa sổ, dờ ràng vào các gian đoạn lịch sử sau này những công trình xây dựng lớn bằng gạch trở nên hiếm hoi, còn các công trình bằng đá thì hầu như không được biết đến. Dù xây dựng bất kỳ công trình tôn giáo lớn nhỏ nào, người Phù Nam cũng chỉ dùng gạch và đá. Và để xây dựng các công trình tôn giáo này, người Phù Nam đã biết đến và sử dụng kỹ thuật xây "vòm giả". Để tạo ra vòm giả bao che cho một khoảng không bên trong nhất định nào đấy, những người thợ dùng cách khếp khoảng không như dẫn vào theo chiều cao bằng cách xây như dẫn đều vào phía trong từ các mặt tường đối diện cho đến khi cùng khếp kín khoảng không gian bên trong đó ở chính tâm điểm và ở một độ cao nhất định. Với kỹ thuật vòm giả này, người thợ chỉ có thể che phủ cho một nội thất không lớn chứ kỹ thuật này không thể dùng để làm mái che cho những toà lâu đài, những phòng ốc rộng lớn. Để xây dựng các công trình có khoảng nội thất lớn này, người Phù Nam phải dùng đến gỗ. Mà điển hình cho loại kiến trúc này là những toà nhà cột Mandapa phía trước các ngôi đền tháp thờ Thần, Phật. Bởi vậy, kiến trúc phổ biến của người Phù Nam là những ngôi đền tháp bằng gạch và đá chỉ có một gian nội thất thờ thần nhỏ hẹp và tối, chỉ có một cửa ra vào, không có các cửa sổ chiếu

sáng và thông gió. Để trang trí cho các kiến trúc tôn giáo của mình, những người thợ Phù Nam đã sử dụng các yếu tố trang trí sau: 1. mái nhiều lớp (hay tầng); 2. hoạ tiết kudu (kiểu khám thờ có hình đầu một nhân vật nào đấy) trang trí trên các tầng trên của kiến trúc; 3. somasutra – ống máng dẫn nước thiêng từ trong đền thờ ra ngoài và thường có hình thủy quái Macara. Ngoài ngôi đền thờ thần, trong quần thể kiến trúc tôn giáo, còn có một kiến trúc bằng gạch hay đá được làm như một gian nhà có lợp mái bên trên để che cho một tượng thần- kiến trúc Mandapa.

Theo thống kê của nhà nghiên cứu người Pháp H.Parmentier, có 9 công trình bằng gạch thuộc thời Phù Nam và bảy công trình (một bằng đá) thuộc giai đoạn nằm giữa thời Phù Nam và thời Chân Lạp. Các công trình kiến trúc tôn giáo này chủ yếu nằm ở những vùng đồng bằng thấp của sông Mê Công và sông Tonle Sap và ở vùng tam giác châu giữa hai con sông trên. Nhóm di tích hiện còn hoàn chỉnh nhất của kiến trúc Phù Nam là Prasat Preah Theat Toc ở vùng nay là thủ phủ của Kompong Cham, trên bờ đông của sông Mê Công. Nơi đây, về sau này, đã trở thành cổ thành Banteay Prei Nokor hay Banteay Prei Angkor. Prasat Preah Toc gồm ba ngôi đền nằm trên một trục đông-tây và hướng mặt về phía bắc. Ngôi đền phía đông là kiến trúc được bảo tồn nguyên vẹn nhất. Đó là một công trình có bình đồ vuông (mỗi chiều dài 3,30 m.) bằng gạch, không có tiền sảnh. Cửa ra vào rất thấp, được làm bằng đá phiến không có bất kỳ một hoạ tiết trang trí nào. Ba mặt tường còn lại được chia dọc ra thành ba ô trờn không mang hình trang trí gì bằng bốn cột ốp. Bốn tầng mái bên trên để

nhận ra được trang trí bằng các đường diềm nổi và các hình Kudu. Tiếc rằng cái chóp bằng đá đã mất. Toàn bộ chiều cao của ngôi đền khoảng 6 mét. Tại đây không có dấu vết của kiểu trang trí lanh tô ở cửa. Các nhà nghiên cứu cho rằng, kiến trúc này có niên đại thế kỷ VI.

Ngoài các công trình ở Prasat Preah Theat Toc, các nhà nghiên cứu còn phát hiện và nghiên cứu nhiều phế tích kiến trúc khác của Phù Nam, như điện thất hình vuông bằng đá sa thạch của khu đền Kuk Trapeang Kuk ở Stung Sen, phía trên Kompong Thom, các vết tích đền thờ ở Kratie (Kompong Cham)...

Dù các công trình kiến trúc còn lại không nhiều, thế nhưng, nền kiến trúc gạch của Phù Nam đã là một cái mốc quan trọng và sớm nhất đối với nền nghệ thuật kiến trúc gạch của khu vực Đông Nam Á⁽⁴⁾.

4. Kiến trúc gạch của Chân Lạp

Sau khi tiêu diệt Phù Nam, người Khmer của nước Chân Lạp đã tiếp thu những kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng gạch của những chủ nhân của vương quốc mà mình vừa xâm lược. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy những công trình xây gạch thuộc thời kỳ chuyển tiếp ban đầu từ phong cách Phù Nam sang phong cách Chân Lạp. Đó là các đền thờ Asram Maharosei, Prasat Preah Theat và công trình số 19 của Sambor Prei Kuk. Ngay từ những công trình mang tính chuyển tiếp này, đã xuất hiện những sự khác biệt giữa kiến trúc Chân Lạp và kiến trúc Phù Nam. Cũng chính ông H.Parmentier đã chỉ ra bốn điều khác biệt đó: 1. dù vẫn có có bình đồ vuông hay chữ nhật, nhưng đã xuất hiện yếu tố mới là các cửa giả gắn nhẹ vào các mặt tường; 2. các tầng ít đi, nhưng cao

hơn và có những chiếc khám mô phỏng cửa giả ở tầng dưới nhô ra ở bốn mặt tường; 3. các tầng được trang trí và chạm trổ phong phú bằng các ô tường nằm giữa hai cột ốp; 4. cửa ra vào và cửa giả có các đà ngang được trang trí đẹp (lanh tô) đỡ bên trên.

Vật liệu bền được dùng để xây các công trình kiến trúc Chân Lạp phần lớn và luôn luôn là gạch. Đá chỉ là vật liệu phụ và chỉ được dùng để làm các khung và các ngưỡng cửa của cửa ra vào, đôi khi của cửa sổ; để làm các đà lanh tô và cột trụ. Và, chỉ trừ để làm tường thành, cầu cống và các công trình công cộng, còn thì vật liệu bền chủ yếu và luôn luôn được dùng để xây dựng các công trình tôn giáo là gạch. Đá ong, đôi khi loại đá thường được gọi là "đá granit Biên Hoà" - những loại đá có mặt ở rất nhiều nơi trên đất Campuchia - cũng thường được dùng để làm móng và tường cho các công trình kiến trúc. Đôi khi, có cả một công trình kiến trúc được làm hoàn toàn bằng đá. Một loại đá khác rất đẹp là đá cát có các màu khác nhau của Campuchia cũng được sử dụng để làm các lanh tô cửa, các cột nhỏ, các khung cửa và khung cửa sổ. Đá sa thạch hay được dùng để làm các bộ phận trang trí kiến trúc là vì loại đá này là chất liệu tuyệt vời cho việc chạm khắc. Việc sử dụng đá sa thạch ngày càng nhiều hơn, và, đến thời Angkor, các công trình tôn giáo hầu như được làm hoàn toàn bằng đá.

Trong kỹ thuật xây dựng gạch, mỗi hàng được xếp khít vào hàng trước bằng mài và gắn lại bằng một loại vữa. Theo ông H. Parmentier, loại vữa đó là một loại nhựa cây nào đó mà ngày nay đã không còn ai biết. Loại chất keo này rất mỏng và khó nhìn thấy, nhưng lại có khả năng

chống đỡ và giữ cho cả khối kiến trúc tới 15 mét hoặc hơn khỏi bị đổ. Các v gạch được chạm khắc, thậm chí ở các mái đua, sau khi đã được xây thô xong người ta còn thường phủ lên đó một choàng những hình chạm khắc tinh tế nhiều màu sắc.

Do được làm bằng các vật liệu bền chính, cho nên, cho đến nay, vẫn còn lại được khá nhiều những công trình kiến trúc bằng gạch và bằng đá của Chân Lạp. Đó là một số kiến trúc gạch đã đổ nát ở Vat Phu (Chăm-pasac, Lào), các công trình kiến trúc tôn giáo ở Sambor Prei Kuk. Trong số những kiến trúc hiện còn, tiêu biểu nhất và còn khá nguyên vẹn nhất của kiến trúc gạch Chân Lạp là Prasat Bayang, nằm cách Angkor Borei không xa (phía nam Campuchia hiện nay).

Prasat Bayang nằm trên một quả đồi cao và rất dốc giữa một vùng đồng bằng rộng lớn. Những con đường với những bậc thang vươn lên từ những cánh đồng bên dưới lượn theo các triền dốc để lên tới các ngôi đền trên đỉnh đồi. Vì địa thế của quần thể, nên khu đền hướng mặt về phía đông nam. Khu đền gồm một số phòng cổng kết nối ngôi đền chính với các lối cầu thang. Ngoài ra, trong khu đền, còn có một số công trình phụ và hàng rào tường bao quanh. Ngôi đền chính được xây bằng gạch, có bình đồ hình chữ nhật và có quy mô hơi lớn hơn phần lớn các ngôi đền cùng thời (kích thước mặt bằng: 7,80 x 10 mét). Cửa ra vào có một bộ khung được tạo bởi bốn phiến đá bazan màu đen vững chắc. Những chiếc cột nhỏ hình tròn và chiếc lanh tô cửa được trang trí bằng năm hình giống hình trái tim, những ô ở giữa và hai bên có hình chim, còn các ô kia thì mang vật trang trí hình hoa. Cửa giả bằng gạch

mang những hình trang trí mô phỏng của cửa ra vào. Mặt tường nằm giữa hai cột ốp được trang trí bằng hình ảnh thu nhỏ mô phỏng ngôi đền cùng một số nhân vật trong đó. Nền và diềm mái được trang trí đơn giản như các ngôi đền cùng thời, còn các cột ốp thì được chạm khắc phong phú. Mặt tường của hai tầng trên hầu như được mô phỏng lại với quy mô nhỏ hơn những hình trang trí của các mặt tường phần thân ngôi đền. Đỉnh của ngôi đền gần như còn nguyên vẹn có hình là một cấu trúc có hai mái cong. Bia ký của ngôi đền được tìm thấy có niên đại năm 604 và 624. Thế nhưng, các nhà nghiên cứu cho rằng Prasat Bayang do Bhavavarman II xây vào khoảng năm 640. Ngôi đền có một mandapa bằng gạch. Thế nhưng, phần trên của công trình dường như được làm lại bằng đá.

Sang thế kỷ VIII, người Chân Lạp vẫn còn xây dựng nhiều khu đền thờ lớn Có thể kể ra đây nhiều khu đền thờ lớn, như Prasat Svay Pream và Prei Khmeng ở khu vực mà sau này là Angkor, như Prasat Phnom Baset và Prasat Andet ở khu vực gần Phnôm Pênh... Các công trình kiến trúc tôn giáo sau thế kỷ VII của Chân Lạp, dù vẫn được xây dựng bằng gạch, nhưng đá đã dần dần được sử dụng nhiều hơn để rồi thay thế hẳn chất liệu gạch. Do vậy, có thể nói đỉnh cao của nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng gạch của Chân Lạp là những công trình được xây dựng trước thời kỳ Angkor (trước thế kỷ IX)⁽⁵⁾.

5. Kiến trúc gạch Chăm-pa

Như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, ở Đông Nam Á thời cổ, chỉ người Chăm-pa mới là những nhà xây dựng và kiến trúc gạch bậc thầy và, chỉ ở Chăm-pa, nghệ

thuật khéo léo mang tính nghề thủ công làm các công trình bằng gạch đã kết hợp được một cách hài hoà với kết cấu xây dựng của công trình. Không phải ngẫu nhiên mà đã có những truyền thuyết và những giả thuyết khác nhau về kỹ thuật xây dựng các đền tháp cổ Chăm-pa. Các truyền thuyết và các giả thuyết trên cho rằng, người Chăm-pa xây đền tháp bằng gạch sống xong rồi chạm khắc các hoa văn và các chi tiết trang trí kiến trúc lên thẳng mặt tường bằng gạch sống đó. Sau khi đã hoàn thiện xong đến từng chi tiết, người ta đốt toàn bộ ngôi tháp cho chín thành gạch. Chỉ với kỹ thuật như vậy mới dễ giải thích được vì sao mà các viên gạch và các hàng gạch của các tháp Chăm-pa lại khít vào với nhau chặt tới mức ta cảm thấy như chúng được dán vào với nhau... Thế nhưng, các nhà khoa học đã chứng minh, các ngôi tháp Chăm-pa được xây bằng gạch đã nung chín chứ không thể bằng gạch đất được. Năm 1980, sau những chuyến đi nghiên cứu điền dã, chúng tôi đã đưa ra những suy nghĩ của mình về kỹ thuật xây dựng tháp Chăm⁽⁶⁾. Khi đấy, chúng tôi nhận thấy, người Chăm-pa xây tháp bằng gạch đã nung và dùng vữa đất và keo thực vật để làm chất kết dính. Khi đấy, chúng tôi đã cho rằng, chính chất gạch vừa sộp, nhẹ vừa có độ nung không cao đã tạo ra chất liệu lý tưởng cho công việc chạm khắc và tạo ra một khối kiến trúc có sức hút và toả nhiệt cũng như hút và toả nước rất cao. Chính chất lượng đặc biệt của viên gạch đã góp phần tạo cho các đền tháp gạch Chăm-pa có sức bền và tuổi thọ vào loại lâu bền hiếm thấy.

Vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX, các chuyên gia Ba Lan đã dùng các biện pháp khoa học hiện đại như: nhiều xạ

Rơngen, nhiệt vi phân, quan trắc phổ hồng ngoại... để nghiên cứu tính chất vật lý và kỹ thuật của gạch và chất kết dính ở các tháp Chăm. Kết quả phân tích cho thấy, gạch Chăm được làm từ loại đất sét Hydromica và được nung ở nhiệt độ không lớn lắm (dưới 1.150- 1.000 độ C). Các phân tích cho biết, gạch Chăm có mảnh xốp, có trọng lượng riêng 1,522g/cm³ (nhỏ hơn so với gạch sản xuất hiện nay- thường là 1,800g/cm³), không có "tiếng vang", độ đồng nhất tốt, độ hút nước khoảng 27%... Cũng các kết quả phân tích cho thấy, trong các mẫu vữa được đem phân tích, không có các chất hữu cơ có khả năng kết dính gạch, nhưng lại có mặt các khoáng chất thạch anh và ilít như của mẫu lấy từ giữa hòn gạch. Từ các kết quả nghiên cứu, các chuyên gia Ba Lan cho rằng, tháp Chăm được xây từ những viên gạch nung sẵn gắn với nhau bằng một màng mỏng dung dịch đất sét đóng vai trò kết dính (vữa đất sét) sau đó toàn bộ được nung lại. Công nghệ này làm cho sự kết dính có tính chất cố định, không trở ngược được và bền vững trong các điều kiện khí hậu không thuận lợi⁽⁷⁾.

Vào những năm 90 của thế kỷ XX, Bộ Văn hoá - Thông tin có một chương trình nghiên cứu về những biện pháp gìn giữ những kiến trúc Chăm pa do GS. TSKH. Lưu Trần Tiêu chủ trì. Những người tham gia chương trình đã phác dựng một cách khái quát quá trình nghiên cứu và những ý kiến khác nhau của các chuyên gia về kỹ thuật xây dựng các tháp Chăm và cũng đã đưa ra một số tư liệu nghiên cứu cụ thể và một số ý kiến cụ thể của nhóm tác giả tham gia chương trình. Theo nhóm các tác giả của chương trình nghiên cứu này, không phải chỉ có một kỹ thuật mà có thể có nhiều cách thức xây

dựng cụ thể khác nhau được áp dụng xây các đền tháp Chăm pa⁽⁸⁾.

Và, sang những năm đầu của thế kỷ XXI, Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng đã chủ trì một đề tài khoa học lớn đi sâu nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chăm. Kết quả nghiên cứu đã cho những kết quả chính sau: 1. các đền tháp Chăm pa được xây dựng bằng kỹ thuật xây mài chập (lớp vỏ ngoài, vỏ trong và lớp ruột); 2. vật liệu xây tháp chủ yếu là gạch đất sét nung có độ xốp lớn, có độ dẻo dai cao, cho phép gia công bằng cách cưa, cắt, mài, đục chạm; 3. chất kết dính được sử dụng là nhớt cây có thể tan trong nước...⁽⁹⁾.

Như vậy là, kể từ sau năm 1975, liên tục trong nhiều năm, các nhà khoa học Việt Nam đã không ngừng đi sâu nghiên cứu kỹ thuật xây dựng các đền tháp gạch của Chăm pa và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Kết quả của những nghiên cứu trên một lần nữa khẳng định có một nền nghệ thuật xây dựng gạch đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á- nền nghệ thuật xây dựng gạch Chăm pa. Thế nhưng, theo chúng tôi, để đánh giá đúng hơn và khách quan hơn những tính ưu trội của nghệ thuật xây dựng gạch của Chăm pa, chúng ta phải nghiên cứu để tìm ra cách thức hay kỹ thuật và nghệ thuật tạo ra các cấu trúc và dáng hình, nghĩa là nghiên cứu sự kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng với nghệ thuật kiến trúc mà những người thợ Chăm pa xưa đã áp dụng để xây dựng những ngôi tháp gạch tuyệt mỹ của mình.

Trên cơ sở những di tích hiện còn và hiện được biết, ngay từ ngôi tháp đầu tiên được xây vào thế kỷ VIII (tháp Mỹ Khánh ở Thừa Thiên- Huế), người Chăm pa đã bộc lộ khả năng đặc biệt của mình trong việc xây dựng các công trình bằng gạch.

Sau đây, những ngôi tháp được xây vào đầu thế kỷ IX như cụm đền tháp Phú Hải (tỉnh Bình Thuận), cụm đền tháp Pô Dam (tỉnh Bình Thuận), cụm đền tháp Hoà Lai (tỉnh Ninh Thuận), khu đền Phật giáo Đồng Dương cuối thế kỷ IX (tỉnh Quảng Nam) và hàng loạt những ngôi đền tháp lớn nhỏ thế kỷ X ở Mỹ Sơn và ở nhiều khu đền thờ Chămpa khác ở trung bộ là những công trình kiến trúc gạch được xếp vào loại đẹp nhất và có kỹ thuật nhất ở khu vực Đông Nam Á.

* *
*

Với tất cả những gì mà chúng ta có thể biết được, có thể nhận thấy, ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, người Đông Nam Á đã tiếp thu những kinh nghiệm và những kiến thức về kỹ thuật và nghệ thuật xây dựng gạch của Ấn Độ để xây dựng những công trình kiến trúc tôn giáo và dân sự cho mình. Tuy cùng tiếp thu từ Ấn Độ, nhưng mỗi quốc gia cổ đại lại áp dụng những kiến thức và kinh nghiệm học được theo kiểu riêng của mình. Chính vì vậy mà, mỗi một quốc gia cổ ở Đông Nam Á đã để lại cho hậu thế hôm nay những công trình kiến trúc gạch đẹp, cổ kính và có giá trị mỹ thuật cao. Trong số những công trình kiến trúc gạch cổ kính và có giá trị văn hoá- nghệ thuật đặc biệt ấy của Đông Nam Á, nổi bật lên hơn cả là những toà tháp gạch Chămpa⁽¹⁰⁾. /.

CHÚ THÍCH

1. Theo: Reginald Lemay, The cultural background of Burma,- "Marg", vol. IX, N3, June, 1956, tr.6

2. Có thể tham khảo: Aung Thaw, *Historical sites in Burma*, Published by The Ministry of Union Culture Government of the Union of Burma, 1978, tr.1-40
3. Có thể tham khảo: Pierre Dupont, *L'Archéologie Mône de Dvaravati*, EFEO, Paris, 1959.
4. Có thể tham khảo: H. Parmentier, *L'Art presumé du Funam*, B.E.32; 183-189; L.P.Briggs, *The Ancient Khmer Empire*, Philadelphia, 1951, tr.32-36.
5. Có thể tham khảo: H. Parmentier, *Complement à L'art khmer primitif*, B.E. 35, 1-115; L.P.Briggs, *The ancient khmer empire*, Sdd, tr.69-80.
6. Ngô Văn Doanh, *Suy nghĩ về kỹ thuật xây dựng tháp Chàm*, trong "Những phát hiện khảo cổ học năm 1980", Viện Khảo cổ học, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1981, tr. 189-191. Ngô Văn Doanh, *Tháp Chàm (ghi chép điền dã 1985)*, "Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật", số 5/1986, tr.20-26. Ngô Văn Doanh, *Nghệ thuật kiến trúc cổ Chămpa*, "Văn nghệ", Hội Văn học nghệ thuật Nghĩa Bình, số 12/1986, tr.92-97
7. Wawrezenczak. A và Skibinski. S , *Góp phần nghiên cứu kỹ thuật xây dựng tháp Chàm*, "Khảo cổ học", số 1/1987, tr.60-63.
8. Lưu Trần Tiêu - Ngô Văn Doanh- Nguyễn Quốc Hùng, *Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hoá Chăm*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.
9. Trần Bá Việt (chủ biên), *Đền tháp Chămpa- bí ẩn xây dựng*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 2007.
10. Về những đền tháp cổ Chămpa, có thể tham khảo các công trình của chúng tôi: Ngô Văn Doanh, *Tháp cổ Chămpa, sự thật và huyền thoại*, Nxb. Văn hoá -Thông tin, Hà Nội, 1994 (tái bản, 1998); Ngô Văn Doanh, *Chămpa Ancient Towers- Reality & Legend*, Thế Giới Publishers, Hanoi, 2002 (tái bản 2006).